

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TS
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2021/DS-ST

Ngày: 03/3/2021

V/v: “Tranh chấp về Hợp đồng
vay tài sản”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TS, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Minh Tâm

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Diệp Thị Thu Nguyệt

2. Ông Phan Thanh Tùng

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thanh Thúy – Thư ký Tòa án nhân dân huyện TS, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TS tham gia phiên tòa: Ông Bùi Ngọc Hương – Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 3 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện TS xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 199/2020/TLST-DS ngày 03 tháng 11 năm 2020 về việc “Tranh chấp về Hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2021/QĐXXST-DS ngày 06 tháng 01 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 36/2021/QĐST-DS ngày 02 tháng 02 năm 2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn Huỳnh T, sinh năm 1969 (Có mặt)

Địa chỉ: 146 tổ 4, ấp HP, xã ĐT, huyện TS, tỉnh An Giang.

2. Bị đơn: Bà Hầu Thị Mỹ D, sinh năm 1978 (Vắng mặt)

Địa chỉ: ấp TH, xã BT, huyện TS, tỉnh An Giang.

NỘI D V U Á N:

** Theo đơn khởi kiện, tờ tự khai và tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn ông Nguyễn Huỳnh T trình bày:*

Ngày 20/12/2018, bà Hầu Thị Mỹ D có vay của ông số T 16.500.000 đồng, khi vay có thỏa thuận lãi suất 3%/tháng. Từ khi vay đến ngày 28/6/2019 bà D trả cho ông được số T vốn 4.800.000 đồng, không có trả lãi thì ngưng cho đến nay. Ông nhiều lần yêu cầu bà D trả số T còn nợ nhưng bà D cố tình trốn tránh không trả.

Nay ông Nguyễn Huỳnh T yêu cầu bà Hầu Thị Mỹ D có trách nhiệm trả cho ông số T còn nợ là 11.700.000 đồng (*Mười một triệu bảy trăm nghìn đồng*) và yêu cầu tính lãi theo quy định của pháp luật kể từ ngày 01/7/2020 cho đến khi xét xử.

** Về phía bị đơn bà Hầu Thị Mỹ D:* Trong quá trình thụ lý vụ án và hòa giải, Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật và triệu tập hợp lệ đương sự đến lần thứ hai nhưng bà D không gửi văn bản ghi ý kiến của bản thân, cũng không đến tham gia phiên hòa giải nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của bà D.

** Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:* Việc Tòa án tiến hành thụ lý giải quyết là đúng theo trình tự thủ tục và thẩm quyền, trong quá trình tiến hành tố tụng Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký tuân thủ đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; các đương sự trong vụ án cũng thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định pháp luật. Về nội dung: Căn cứ theo các quy định của pháp luật, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Huỳnh T. Buộc bà Hầu Thị Mỹ D có trách nhiệm trả cho ông Nguyễn Huỳnh T số tiền vay còn nợ là 11.700.000 đồng (*Mười một triệu bảy trăm nghìn đồng*) và lãi suất theo quy định của pháp luật kể từ ngày 01/7/2020 cho đến khi xét xử.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa và các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đây là tranh chấp dân sự về Hợp đồng vay tài sản, bị đơn bà Hầu Thị Mỹ D có địa chỉ tại ấp TH, xã BT, huyện TS, tỉnh An Giang nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện TS theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Bị đơn bà Hầu Thị Mỹ D đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt không có lý do chính đáng. Căn cứ quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn bà Hầu Thị Mỹ D.

[2] Về nội D:

Hợp đồng vay tài sản giữa nguyên đơn ông Nguyễn Huỳnh T với bị đơn bà Hầu Thị Mỹ D thực tế đã xảy ra được chứng minh tại Biên nhận ngày 20/12/2018 có nội D: “Tôi D có yêu cầu ông T giúp vốn tôi để mua của bán bỏ mỗi với số T vốn là 16.500.000 đồng, lãi suất 3% trên tháng...”. Cuối tờ biên nhận có chữ ký của bà Hầu Thị Mỹ D. Hội đồng xét xử xét thấy Hợp đồng vay tài sản giữa hai bên đương sự được giao kết trên cơ sở tự nguyện, có làm giấy tờ phù hợp với pháp luật nên có giá trị pháp lý. Từ khi vay đến ngày 28/6/2019 bà D trả cho ông T được số tiền vốn là 4.800.000 đồng còn nợ 11.700.000 đồng, không có trả lãi thì ngưng không trả nữa.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập hợp lệ bà Hầu Thị Mỹ D để tham gia hòa giải và ghi nhận ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của ông T nhưng phía bà D đều vắng mặt không có lý do và cũng không có văn bản nào phản đối yêu cầu khởi kiện của ông T nên xem như bà D đã từ bỏ quyền của mình, mặc nhiên thừa nhận còn nợ ông T số T là 11.700.000 đồng (*Mười một triệu bảy trăm nghìn đồng*). Hội đồng xét xử xét thấy, bà D đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ như đã thỏa thuận nên ông T khởi kiện yêu cầu bà D trả số T gốc và lãi là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 463 và Điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015 nên được chấp nhận. Do đó, buộc bà Hầu Thị Mỹ D phải trả cho ông Nguyễn Huỳnh T số tiền còn nợ gốc là 11.700.000 đồng (*Mười một triệu bảy trăm nghìn đồng*).

Về lãi suất: Tại tờ biên nhận hai bên thỏa thuận mức lãi suất là 3%/tháng là cao hơn quy định của pháp luật, nhưng tại phiên tòa hôm nay ông T chỉ yêu cầu lãi suất theo quy định của pháp luật kể từ ngày 01/7/2020 cho đến khi xét xử. Xét thấy mức lãi suất ông T yêu cầu là phù hợp quy định pháp luật nên cần được chấp nhận. Vì vậy, tiền lãi tính từ ngày 01/7/2020 đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 03/3/2021) là 08 tháng 02 ngày (ông T đồng ý làm tròn 08 tháng), lãi suất là 20%/năm (1,67%/tháng), nên được tính như sau:

Số tiền gốc 11.700.000 đồng x 1,67% x 08 tháng = 1.563.120 đồng.

Tổng cộng vốn gốc và lãi bà Hầu Thị Mỹ D phải trả cho ông Nguyễn Huỳnh T là: 11.700.000 đồng + 1.563.120 đồng = 13.263.120 đồng.

[3] Về án phí: Do vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên bà Hầu Thị Mỹ D phải chịu án phí theo quy định của pháp luật. Ông Nguyễn Huỳnh T không phải chịu án phí nên được nhận lại số T tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 463, Điều 466; Khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Huỳnh T.

Buộc bà Hậu Thị Mỹ D có nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Huỳnh T số tiền vốn gốc và lãi tổng cộng là 13.263.120 đồng (*Mười ba triệu hai trăm sáu mươi ba nghìn một trăm hai mươi đồng*), trong đó vốn là 11.700.000 đồng, lãi là 1.563.120 đồng.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản T phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Hậu Thị Mỹ D phải chịu 663.156 đồng (*Sáu trăm sáu mươi ba nghìn một trăm năm mươi sáu đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Nguyễn Huỳnh T không phải chịu án phí nên được nhận lại số tiền 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007992 ngày 03 tháng 11 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện TS, tỉnh An Giang.

3. Ông Nguyễn Huỳnh T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bà Hậu Thị Mỹ D có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án tại Trụ sở Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn nơi cư trú để yêu cầu xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu Thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện TS;
- Chi cục THADS huyện TS;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Thị Minh Tâm